Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3801.10.00

Mã HS	3801.10.00
Mô tả hàng hóa	Graphit nhân tạo; graphit dạng keo hoặc dạng bán keo; các chế phẩm làm từ graphit hoặc carbon khác ở dạng bột nhão, khối, tấm hoặc ở dạng bán thành phẩm khác / - Graphit nhân tạo
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 20:25:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38011000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5330
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5330
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5330
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5175
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5136
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5136
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5136
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5136
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5136
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5136
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5180
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5180

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5180
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5180
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5180
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5180
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5178
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5178
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5178
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5178
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5178
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5178
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5178
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5142
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5138
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5138
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5138
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5138
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5138
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5138
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5147
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5147
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5147
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5147
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5147
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5147
VCFTA	2022	2022	3	VC!D5185
VCFTA	2023	2023	3	VC!E5185

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5185
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5185
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5185
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5185
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5182
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5182
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5182
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5182
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5182
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5182
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5190
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5190
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5190
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5190
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5190
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5190
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5161
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5161
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5161
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5161
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5161
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5161
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5163
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5163
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5163
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5163

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5163
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5163
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5161
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5161
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5161
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5161
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5161
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5161
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5161
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5182
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5182
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5182
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5182
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5182
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5182
RCEP B	2022	2022	0	B!D5182
RCEP B	2023	2023	0	B!E5182
RCEP B	2024	2024	0	B!F5182
RCEP B	2025	2025	0	B!G5182
RCEP B	2026	2026	0	B!H5182
RCEP B	2027	2027	0	B!I5182
RCEP C	2022	2022	0	C!D5182
RCEP C	2023	2023	0	C!E5182
RCEP C	2024	2024	0	C!F5182
RCEP C	2025	2025	0	C!G5182
RCEP C	2026	2026	0	C!H5182

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5182
RCEP D	2022	2022	0	D!D5182
RCEP D	2023	2023	0	D!E5182
RCEP D	2024	2024	0	D!F5182
RCEP D	2025	2025	0	D!G5182
RCEP D	2026	2026	0	D!H5182
RCEP D	2027	2027	0	D!I5182
RCEP E	2022	2022	0	E!D5185
RCEP E	2023	2023	0	E!E5185
RCEP E	2024	2024	0	E!F5185
RCEP E	2025	2025	0	E!G5185
RCEP E	2026	2026	0	E!H5185
RCEP E	2027	2027	0	E!I5185
RCEP F	2022	2022	0	F!D5182
RCEP F	2023	2023	0	F!E5182
RCEP F	2024	2024	0	F!F5182
RCEP F	2025	2025	0	F!G5182
RCEP F	2026	2026	0	F!H5182
RCEP F	2027	2027	0	F!I5182
VIFTA	2024	2024	2.6	VI!F4774
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G4774
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H4774
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I4774

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3801.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 3801.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5330), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.